

Số 5241/UBND - VX
V/v xây dựng và đăng ký kế hoạch
đầu tư công năm 2024

Bình Định, ngày 26 tháng 07 năm 2023

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) và dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2024, Văn bản số 4460/BKHĐT-TH ngày 13/6/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2023 và đăng ký kế hoạch đầu tư công năm 2024, với các nội dung chính như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2023

1. Tình hình giao, kế hoạch đầu tư công năm 2023

Tổng kế hoạch vốn năm 2023 được Thủ tướng Chính phủ giao là 7.630.637 triệu đồng; HĐND tỉnh và UBND tỉnh giao là 9.602.464 triệu đồng (trong đó vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023 là 677.269 triệu đồng, vốn năm 2023 là 8.925.195 triệu đồng), bao gồm:

a) Vốn ngân sách tỉnh: 6.796.548 triệu đồng (trong đó, vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023 là 448.003 triệu đồng, vốn năm 2023 là 6.348.545 triệu đồng), như sau:

- Vốn Đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh (kể cả vốn kéo dài): 6.603.338 triệu đồng (Vốn Đầu tư tập trung: 664.634 triệu đồng; nguồn thu tiền sử dụng đất: 5.715.308 triệu đồng; Xổ số kiến thiết: 131.896 triệu đồng; Bội chi ngân sách: 91.500 triệu đồng).

- Nguồn tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước: 3.000 triệu đồng.

- Nguồn vốn khác của ngân sách tỉnh: 40.000 triệu đồng.

- Tiền sử dụng đất, cho thuê đất từ các dự án trên địa bàn tỉnh, các Khu tái định cư, nguồn thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp kéo dài năm 2022 sang năm 2023: 138.981 triệu đồng.

- Nguồn hoàn trả ngân sách tỉnh kéo dài năm 2022 sang năm 2023: 2.864 triệu đồng.

- Nguồn tăng thu Xổ số kiến thiết: 8.365 triệu đồng.

b) Vốn ngân sách trung ương: 2.805.916 triệu đồng (trong đó vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023 là 229.266 triệu đồng, vốn năm 2023 là 2.576.650 triệu đồng), bao gồm:

- Vốn trung ương hỗ trợ theo mục tiêu (kể cả vốn kéo dài): 1.724.464 triệu đồng.
- Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội: 353.000 triệu đồng.
- Các Chương trình mục tiêu quốc gia (kể cả vốn kéo dài): 473.038 triệu đồng.
- Vốn hỗ trợ khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai kéo dài năm 2022 sang năm 2023: 22.459 triệu đồng.
- Vốn ODA (kể cả vốn kéo dài): 232.955 triệu đồng.

Toàn bộ kế hoạch vốn được HĐND tỉnh giao, UBND tỉnh đã có quyết định phân bổ và giao chi tiết đến các chủ đầu tư ngay từ quý I, để triển khai thực hiện trong năm 2023.

(Phụ lục số 01 đính kèm)

2. Tình hình điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách trung ương

Trong 6 tháng đầu năm 2023, để đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn theo chỉ đạo của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã tiến hành điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách trung ương¹ 02 dự án (điều chỉnh giảm 60.000 triệu đồng từ dự án Xây dựng tuyến đường tránh phía Nam thị trấn Phú Phong để bổ sung thanh toán KLHT và đẩy nhanh tiến độ dự án Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới).

3. Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công 06 tháng đầu năm, khả năng thực hiện 09 tháng và ước thực hiện cả năm 2023 theo từng nguồn vốn

3.1. Tình hình thực hiện, giải ngân 6 tháng đầu năm 2023

Đến ngày 30/6/2023, tổng giá trị giải ngân kế hoạch năm 2023 là 3.103.190 triệu đồng, đạt 32,32% kế hoạch vốn giao², trong đó:

a) Vốn ngân sách địa phương: 1.848.421 triệu đồng/6.796.548 triệu đồng, đạt 27,20% kế hoạch vốn giao, bao gồm:

- Vốn Đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh (bao gồm vốn kéo dài): 1.788.255 triệu đồng/6.603.338 triệu đồng, đạt 27,08% kế hoạch vốn giao (Vốn ĐTTT: 249.509 triệu đồng/664.634 triệu đồng, đạt 37,54% kế hoạch vốn giao; nguồn thu tiền sử dụng đất: 1.383.371 triệu đồng/5.715.308 triệu đồng, đạt 24,2% kế hoạch vốn giao; Xổ số kiến thiết: 80.923 triệu đồng/131.896 triệu đồng, đạt 61,35% kế hoạch vốn giao; Bội chi ngân sách: 74.451 triệu đồng/91.500 triệu đồng, đạt 81,37% kế hoạch vốn giao).

¹ Quyết định số 2305/QĐ-UBND ngày 26/6/2023 của UBND tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý.

² Cùng kỳ năm 2022 giải ngân 36,09% (2.847.932 triệu đồng/7.890.620 triệu đồng), cao hơn tỷ lệ giải ngân năm 2023 là 6,84%.

- Nguồn tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước: 2.956 triệu đồng/3.000 triệu đồng, đạt 98,53% kế hoạch vốn giao.

- Nguồn vốn khác của ngân sách tỉnh: chưa có giá trị giải ngân.

- Tiền sử dụng đất, cho thuê đất từ các dự án trên địa bàn tỉnh, các Khu tái định cư, nguồn thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp (vốn kéo dài): 53.095 triệu đồng/138.981 triệu đồng, đạt 38,2% kế hoạch vốn giao.

- Nguồn hoàn trả ngân sách tỉnh (vốn kéo dài): 459 triệu đồng/2.864 triệu đồng, đạt 16,02% kế hoạch vốn giao.

- Nguồn tăng thu Xổ số kiến thiết: 3.656 triệu đồng/8.365 triệu đồng, đạt 43,7% kế hoạch vốn giao.

b) Vốn ngân sách trung ương: 1.254.768 triệu đồng/2.805.916 triệu đồng, đạt 44,72% kế hoạch vốn giao, bao gồm:

- Vốn trung ương hỗ trợ theo mục tiêu (bao gồm vốn kéo dài): 917.638 triệu đồng/1.724.464 triệu đồng, đạt 53,21% kế hoạch vốn giao.

- Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội: 107.581 triệu đồng/353.000 triệu đồng, đạt 30,48% kế hoạch vốn giao.

- Các Chương trình mục tiêu quốc gia (bao gồm vốn kéo dài): 114.001 triệu đồng/473.038 triệu đồng, đạt 24,1% kế hoạch vốn giao.

- Vốn hỗ trợ khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai (vốn kéo dài): 15.467 triệu đồng/22.459 triệu đồng, đạt 68,87% kế hoạch vốn giao.

- Vốn ODA (bao gồm vốn kéo dài): 100.081 triệu đồng/232.955 triệu đồng, đạt 42,96% kế hoạch vốn giao.

3.2. Ước thực hiện, giải ngân 9 tháng và cả năm 2023 theo từng nguồn vốn được giao

Dự kiến đến 30/9/2023, giá trị giải ngân chung nguồn ngân sách tỉnh quản lý là 62,82% và phân đầu giải ngân 100% kế hoạch vốn đầu tư công do tỉnh quản lý trong năm 2023, trong đó:

- Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội: đến 30/9/2023, ước sẽ thực hiện giải ngân 60% kế hoạch và đến 31/01/2024 giải ngân 100% kế hoạch được giao.

- Các Chương trình MTQG: đến 30/9/2023, Ước sẽ thực hiện giải ngân 71,49% kế hoạch và đến 31/01/2024 giải ngân 100% kế hoạch được giao, cụ thể:

- + Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Ước giá trị thực hiện 9 tháng là 118.008 triệu đồng, đạt 72,36% và đến 31/01/2024 đạt 100% kế hoạch giao.

- + Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Ước giá trị thực hiện 9 tháng là 132.515 triệu đồng, đạt 73,6% và đến 31/01/2024 đạt 100% kế hoạch giao.

+ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Ước giá trị thực hiện 9 tháng là 87.647 triệu đồng, đạt 67,47% và đến 31/01/2024 đạt 100% kế hoạch giao.

(Phụ lục số 02 đính kèm)

3.3. Tình hình thực hiện dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển KTXH nhanh, bền vững

Trong quyết định giao kế hoạch vốn NSTW của tỉnh Bình Định có giao vốn cho 01 dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển KTXH nhanh, bền vững là dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định đoạn Cát Tiến - Diêm Vân. Dự án có tổng mức đầu tư là 2.674.650 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 1.800.000 triệu đồng, vốn ngân sách tỉnh 874.650 triệu đồng. Tình hình triển khai thực hiện dự án này trong 6 tháng đầu năm như sau:

a) Tình hình thực hiện công tác giải phóng mặt bằng và tái định cư

- **Về công tác kiểm kê và xác nhận nguồn gốc đất của các địa phương:** đã hoàn thành.

- **Về phê duyệt phương án BT GPMB:** 62 đợt theo phương án thu hồi và 27 đợt theo phương án mượn tạm, với tổng số là: 1.535 hộ + 8 tổ chức/257.240 triệu đồng.

- **Về công tác chi trả tiền:** Đã thực hiện chi trả 1.390 hộ + 8 tổ chức/241.460 triệu đồng (Trong đó bao gồm đất nông nghiệp là 1.076 hộ+8 tổ chức/174.470 triệu đồng, đất ở 61 hộ/59.980 triệu đồng và di dời mồ mả là 252 hộ/775 mộ/6.950 triệu đồng). Số còn lại chưa nhận tiền, tiếp tục vận động chi trả cho các đợt tiếp theo là: 145 hộ/15.780 triệu đồng.

- Về bàn giao mặt bằng và số lượng mồ mả đã bốc di dời cải táng nơi khác:

+ Số lượng mồ mả đã bốc và di dời là: 252 hộ/775 mộ. Số còn lại chưa di dời do đang chờ đất cải táng là 64 hộ + 4 tổ chức/672 mộ.

+ Đã bàn giao mặt bằng được 13Km/13,58Km.

- **Về phương án xét giao đất tái định cư:** UBND tỉnh đã phê duyệt 9 đợt: 48 hộ/50 lô, đã bàn giao 42 hộ/44 lô (còn lại chưa đăng ký nhận tiền, nhận đất TĐC là: 6 hộ/6 lô).

- **Về công tác xây dựng khu tái định cư:** Xây dựng 03 khu tái định cư tại các xã Phước Thắng, Phước Hòa, Phước Thuận, đã triển khai thi công xây dựng 02 khu tái định cư xã Phước Thắng, Phước Hòa; đối với khu tái định cư Phước Thuận: đang hoàn thiện hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công - dự toán.

- **Về công tác xây dựng khu cải táng mồ mả:** Đang triển khai thi công xây dựng 02 khu cải táng mồ mả tại các xã Phước Sơn, xã Phước Thuận để phục vụ dự án.

- **Về công tác di dời hạ tầng kỹ thuật (điện, nước):** đang triển khai di dời.

b) Tình hình thi công xây lắp

- Dự án chia thành 02 gói thầu xây lắp: gói thầu số 01 với giá trị 1.018.800 triệu đồng và gói thầu số 02 với giá trị 1.016.700 triệu đồng.

- Hiện nay, nhà thầu đang triển khai thi công đắp cát nền đường được 10km, đắp đường công vụ dọc tuyến được 13km, các vị trí cầu (9 cầu) đang triển khai, các cống thoát nước đang đúc các cấu kiện, cọc BTCT...Giá trị xây lắp thực hiện đến nay: 446.450/2.035.500 triệu đồng, đạt 21,93%.

4. Các giải pháp đã triển khai thực hiện để thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công năm 2023 theo chỉ đạo tại các Nghị quyết, Chỉ thị, Công điện của Thủ tướng Chính phủ

Để hoàn thành kế hoạch năm 2023 được Thủ tướng Chính phủ, HĐND tỉnh giao, ngay từ đầu năm UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản gửi các chủ đầu tư yêu cầu cam kết cụ thể từng mốc thời gian giải ngân để đảm bảo đến hết năm 2023 phải đạt mức thanh toán 100% kế hoạch vốn được giao. Đồng thời, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 10/4/2023 về đẩy mạnh giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý năm 2023, trong đó đưa ra các mục tiêu, yêu cầu quy định mức giải ngân theo từng mốc thời gian cho từng nhóm công trình cụ thể³ với các giải pháp chính cần thực hiện như:

a) Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các chủ đầu tư cần quyết liệt trong chỉ đạo, đôn đốc đẩy nhanh thực hiện giải ngân vốn đầu tư công; chủ động rà soát và báo cáo các vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, như sau:

- Đối với các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023 và dự án chuyển tiếp: tập trung tối đa nguồn lực, đôn đốc nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thực hiện, tổ chức nghiệm thu, thanh toán và giải ngân vốn đầu tư công ngay khi có khối lượng.

- Đối với các dự án khởi công mới: đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư, tổ chức lựa chọn nhà thầu tư vấn và thi công, đảm bảo dự án được triển khai đúng tiến độ.

- Các Sở, ban, ngành, các chủ đầu tư và UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp chặt chẽ trong việc triển khai thực hiện thủ tục đầu tư, thẩm định hồ sơ thiết kế - dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu; công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giải phóng mặt bằng; tổng hợp báo cáo những khó khăn, vướng mắc để các cấp có thẩm quyền kịp thời tháo gỡ.

³ Tỷ lệ giải ngân đến hết quý II/2023 đạt trên 40%, hết quý III/2023 đạt trên 60%; đến hết quý IV/2023 đạt trên 90% (riêng kế hoạch vốn năm 2022 được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2023 đạt 100%) và đến hết ngày 31/01/2024 phần đầu giải ngân 100% vốn đầu tư công được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch vốn năm 2023.

b) Rà soát, điều chuyển kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023

Căn cứ tình hình thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 của các dự án, kiên quyết điều chuyển kế hoạch vốn năm 2023, cụ thể như sau:

- Trong quá trình triển khai thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh thường xuyên rà soát, chủ động tham mưu UBND tỉnh điều chuyển (cắt giảm, bổ sung) kế hoạch vốn năm 2023 (ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh, vốn nước ngoài) của các dự án có tỷ lệ giải ngân thấp, các dự án không có khả năng giải ngân hết kế hoạch vốn được giao trong năm 2023 sang các dự án có khả năng giải ngân cao, có nhu cầu bổ sung kế hoạch vốn để đẩy nhanh tiến độ⁴.

- Trường hợp đến hết ngày 31/01/2024, các Sở ngành, địa phương không giải ngân hết kế hoạch đầu tư công 2023 được giao và các chương trình, dự án không thuộc trường hợp được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ, UBND tỉnh sẽ xem xét cắt giảm kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách cấp Tỉnh tương ứng với số vốn không giải ngân hết, không được kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân và bị hủy dự toán theo quy định tại khoản 4 Điều 44 Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ và các địa phương tự cân đối ngân sách cấp mình để bố trí cho phần kế hoạch vốn bị cắt giảm.

- Căn cứ văn bản cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 sang năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ, HĐND tỉnh, các chủ đầu tư khẩn trương triển khai dự án đúng tiến độ đảm bảo hoàn thành giải ngân 100% kế hoạch vốn trong thời hạn được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân.

- Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các chủ đầu tư chủ động rà soát, xây dựng kế hoạch giải ngân chi tiết theo từng tháng đối với từng nhiệm, dự án do đơn vị, địa phương làm chủ đầu tư để tăng cường đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2023.

- Gắn công tác giải ngân với công tác thi đua khen thưởng và trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu.

c) Tập trung thực hiện công tác thanh toán

- UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo Sở Tài chính kịp thời nhập dự toán chi

⁴Rà soát: - Đợt 1, rà soát, thu hồi, điều chuyển vốn của dự án hoàn thành, chuyển tiếp đến ngày 31/5/2023 có kết quả giải ngân dưới 35% kế hoạch vốn; Đợt 2, rà soát tiến độ đối với các dự án được giao kế hoạch năm 2023 thu hồi, điều chuyển vốn của các dự án đến 31/7/2023 có kết quả giải ngân dưới 50% kế hoạch vốn; Đợt 3, rà soát điều chỉnh kế hoạch vốn của các dự án không còn khả năng giải ngân thanh toán, thời gian trước 01/11/2023. Ngoài các đợt điều chỉnh trên, trong năm tùy thuộc tiến độ thực hiện, kết quả giải ngân thanh toán các nguồn vốn được giao sẽ thực hiện các đợt điều chỉnh khi thấy cần thiết để đảm bảo thực hiện hiệu quả kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023.

đầu tư phát triển (bao gồm phần điều chỉnh, bổ sung trong năm) trên hệ thống Tabmis; thực hiện thẩm tra, quyết toán dự án hoàn thành theo quy định. UBND các huyện, thị xã, thành phố lập hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành ngay sau khi công trình đưa vào khai thác sử dụng; tăng cường xử lý nợ xây dựng cơ bản ở tất cả các cấp ngân sách. Kho bạc Nhà nước tỉnh thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn các chủ đầu tư thực hiện thanh toán vốn đầu tư công theo đúng quy định hiện hành trong đó ưu tiên thanh toán, giải ngân điện tử trên nền tảng số, đảm bảo an toàn, bảo mật, thuận tiện cho chủ đầu tư; giải quyết thanh toán ngay cho các dự án khi có đủ điều kiện giải ngân trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc, không để dồn vào các tháng cuối năm; phối hợp chặt chẽ với chủ đầu tư xử lý các vướng mắc phát sinh, rút ngắn thời gian kiểm soát chi.

- Chủ đầu tư các dự án

+ Tuân thủ đúng quy định về hồ sơ thanh toán, tạm ứng, thu hồi tạm ứng tại các Điều 9, 10, 11, 12 và 14 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

+ Rà soát các khoản tạm ứng vốn đầu tư quá hạn để có biện pháp xử lý thu hồi dứt điểm, tránh tình trạng nợ tạm ứng quá lâu, không đúng hợp đồng đã ký kết, không có khối lượng, quy trách nhiệm bồi hoàn nếu vi phạm hợp đồng. Chủ động phối hợp và gửi danh sách nhà thầu có số dư tạm ứng quá hạn sang Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch, nếu nhà thầu có khối lượng thanh toán của các công trình khác thì đề xuất cấp có thẩm quyền cản trừ thu hồi vốn kịp thời.

d) Chủ động tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong công tác giải ngân vốn đầu tư công năm 2023

- UBND tỉnh đã thành lập 03 Tổ công tác kiểm tra, đôn đốc giải ngân vốn đầu tư công và quyết toán dự án hoàn thành công trình sử dụng vốn nhà nước năm 2023 các nội dung liên quan đến tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong công tác giải ngân vốn đầu tư công và quyết toán dự án hoàn thành của các đơn vị và địa phương.

- UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở quản lý xây dựng công trình chuyên ngành của tỉnh (Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Thông tin và Truyền thông, Công an tỉnh) đẩy nhanh tiến độ giải quyết các thủ tục thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư, thiết kế - dự toán công trình do mình thẩm định.

- UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan kiểm tra, đôn đốc và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc theo thẩm quyền trong công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, thủ tục về môi trường đối với các dự án đầu tư công theo đúng quy định; đồng thời, chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, kiểm tra và

xử lý toàn bộ việc cấp giấy phép khai thác mỏ, đảm bảo cung cấp đủ nguồn nguyên vật liệu cho các dự án, nhất là các dự án trọng điểm, dự án quan trọng quốc gia theo các quy định của Chính phủ. Tổng hợp báo cáo UBND tỉnh giải quyết kịp thời các trường hợp vượt thẩm quyền.

- UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính cập nhật, điều chỉnh công bố giá vật liệu xây dựng, chỉ số giá xây dựng kịp thời bảo đảm theo quy định của Luật Xây dựng và Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ làm cơ sở điều chỉnh giá gói thầu, tổng mức đầu tư dự án; Đồng thời, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và PTNT và các ngành liên quan điều chỉnh, bổ sung quy hoạch kịp thời các điểm khai thác mỏ đảm bảo đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng thi công dự án.

đ) **Đẩy mạnh chế độ báo cáo, giám sát tình hình thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công 2023**

- UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các chủ đầu tư thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo tình hình thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công 2023 và kế hoạch vốn 2022 kéo dài (nếu có) theo đúng biểu mẫu quy định được Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tại Văn bản số 76/SKHĐT-TH ngày 11/01/2023 bằng văn bản và trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công.

- Thực hiện chế độ báo cáo tình hình thực hiện, giải ngân về Kho bạc nhà nước tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư vào ngày 25 hàng tháng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định. Thông tin, số liệu báo cáo kết quả giải ngân vốn đầu tư công năm 2023 phải thống nhất với thông tin, số liệu cập nhật trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công.

- UBND tỉnh đã chỉ đạo các chủ đầu tư, các đơn vị thực hiện 03 Chương trình MTQG định kỳ ngày 20 hàng tháng rà soát, tổng hợp dữ liệu thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, danh mục dự án đầu tư, kết quả giải ngân kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2023 (bao gồm vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương và vốn cân đối từ ngân sách địa phương) cho các đơn vị chủ quản Chương trình, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các cơ quan chủ quản Chương trình (trước 23 hàng tháng).

5. Tình hình huy động các nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác phục vụ cho đầu tư phát triển, tình hình thực hiện các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư

Hiện nay, Bình Định có 01 dự án PPP đang được triển khai là Cấp nước sạch trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn theo hình thức đối tác công tư PPP (hợp đồng BOO), với các thông tin sau:

- Cấp quyết định chủ trương đầu tư: HĐND tỉnh Bình Định.
- Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định.

- Cơ quan chuẩn bị dự án, ký kết hợp đồng: UBND thị xã Hoài Nhơn.
- Địa điểm xây dựng: Thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Quy mô dự án: đã được được HĐND tỉnh Bình Định phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 và UBND tỉnh phê duyệt dự án tại Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 01/02/2023 với các nội dung chính sau:

+ Xây dựng 02 tuyến ống dẫn nước tự chảy từ ngoài sông vào trạm bơm cấp 1 bằng ống thép và HDPE DN600mm. Công suất khai thác nước mặt đảm bảo nhu cầu $Q = 16.500\text{m}^3/\text{ngày}$, cao trình đầu tuyến -2,4m, cao trình cuối tuyến - 2.5m.

+ Xây dựng trạm bơm công suất $16.500\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$

+ Tường rào cổng ngõ, sân bê tông:

+ Trồng cây xanh: Trồng cây tạo cảnh quan xung quanh trạm bơm nước thô

+ Xây dựng nhà máy xử lý nước sạch công suất $16.500\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$

+ Xây dựng trạm bơm tăng áp cách nhà máy xử lý nước 18km

+ Xây dựng tuyến ống nước sạch có tổng chiều dài $L = 415.373\text{m}$, Sử dụng ống HDPE đối với các tuyến ống dọc đường và ống STK đối với các ống qua cầu, cống.

+ Đồng hồ dịch vụ: Cung cấp 18.980 bộ đồng hồ nước DN15 bao gồm trung bình 3m ống và phụ kiện kèm theo

- Tổng mức đầu tư dự án: 337.065.482.000 đồng (Ba trăm ba mươi bảy tỷ, không trăm sáu mươi lăm triệu, bốn trăm tám mươi hai nghìn đồng)

- Vốn nhà nước trong dự án PPP:

Vốn nhà nước trong dự án Cấp nước sạch trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn theo hình thức đối tác công tư PPP (hợp đồng BOO) thực hiện theo Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 (Vốn ngân sách Nhà nước: Hỗ trợ 60% chi phí xây dựng và thiết bị, chiếm khoảng 47,29% tổng mức đầu tư; vốn nhà đầu tư thanh toán phần chi phí đầu tư còn lại, chiếm khoảng 52,71% tổng mức đầu tư để thực hiện dự án theo quy định).

- Loại hợp đồng dự án: Loại hợp đồng dự án thực hiện theo Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 của HĐND tỉnh Bình Định: Hợp đồng Xây dựng - Sở hữu - Kinh doanh (Hợp đồng BOO).

- Thời gian thực hiện dự án: Thời gian thực hiện dự án được duyệt tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 của HĐND tỉnh: Năm 2021- 2024.

Hiện nay, UBND tỉnh đã phê duyệt dự án theo hình thức đối tác công tư (Hợp đồng BOO) tại Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 01/02/2023 và Phê duyệt hình thức lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư PPP

(hợp đồng BOO) tại Quyết định số 1914/QĐ-UBND ngày 31/5/2023. Theo đó, UBND thị xã Hoài Nhơn đã trình Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định Hồ sơ mời thầu làm cơ sở lựa chọn nhà đầu tư trong Quý III/2023.

6. Đánh giá kết quả đạt được trong 06 tháng đầu năm 2023, tác động của kế hoạch đầu tư công đối với kết quả phát triển KTXH năm 2023; Đánh giá tính khả thi và dự kiến mức độ hoàn thành kế hoạch so với mục tiêu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho cả năm 2023

Ngay từ đầu năm, thực hiện các Quyết định giao kế hoạch vốn của Thủ tướng Chính phủ và HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định phân bổ và giao kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương đến từng chủ đầu tư, tạo điều kiện cho các đơn vị, địa phương chủ động triển khai có hiệu quả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn. Tiếp tục đẩy mạnh huy động các nguồn vốn nhằm đáp ứng nhu cầu chi đầu tư phát triển, tập trung xây dựng hoàn thành các công trình trọng điểm của tỉnh.

Trong 6 tháng đầu năm, UBND tỉnh đã tổ chức nhiều Hội nghị về triển khai, chỉ đạo giải ngân vốn đầu tư công. Bên cạnh đó đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành về công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, đôn đốc giải ngân vốn đầu tư công, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình trọng điểm trên địa bàn tỉnh. Đã tổ chức Lễ khánh thành tuyến đường ven biển đoạn đoạn Cát Tiến – Mỹ Thành; Lễ khởi công tuyến đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới. Bên cạnh đó, đã tăng cường kiểm tra, đôn đốc khẩn trương hoàn tất thủ tục đầu tư các dự án, công trình mới theo quy định; tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác giải phóng mặt bằng dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông (đoạn qua địa bàn tỉnh); tiếp tục đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng và thi công các dự án, công trình trọng điểm đang triển khai trên địa bàn: Đường ven biển (đoạn Cát Tiến - Diêm Vân), đường Điện Biên Phủ nối dài đến Khu đô thị Diêm Vân, các tuyến đường ngang kết nối Đông - Tây, các dự án tại Khu đô thị Khoa học và Giáo dục Quy Hòa, đập dâng Phú Phong và các công trình trên lĩnh vực văn hóa, lịch sử...

Đối với việc thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia, UBND tỉnh đã kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện, chỉ đạo các cơ quan chủ trì chương trình mục tiêu quốc gia phối hợp với các đơn vị, địa phương trong công tác rà soát văn bản còn thiếu, kịp thời tập hợp các khó khăn, vướng mắc của các đơn vị, địa phương để đề xuất/kiến nghị các cấp có thẩm quyền tháo gỡ, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình; đã thành lập bốn Tổ công tác liên ngành của tỉnh tiến hành kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện và đôn đốc, hướng dẫn, tháo gỡ những tồn tại, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện nội dung các chương trình MTQG tại các địa phương thụ hưởng.

Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công do tỉnh quản lý đến 30/6/2023 đạt 32,32%. Trong đó, giải ngân vốn ngân sách địa phương đạt 27,2%; vốn trung ương hỗ trợ mục tiêu đạt 53,21%; vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội đạt 30,48%; vốn Chương trình Mục tiêu quốc gia đạt 24,1%; vốn hỗ trợ khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai đạt 68,87%; vốn nước ngoài (ODA) đạt 42,96% kế hoạch năm.

Nhờ đó Tổng sản phẩm địa phương (GRDP) 6 tháng đầu năm tăng 6,46% so với cùng kỳ (cao hơn mức trung bình của cả nước; xếp thứ 9/14 tỉnh vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung bộ và thứ 2/5 tỉnh Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung); trong đó: Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,27%; công nghiệp và xây dựng tăng 7,91% (riêng công nghiệp tăng 3,49%); dịch vụ tăng 7,72%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 4,75%.

7. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện, giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2023

- Tiến độ thu tiền sử dụng đất của tỉnh trong 6 tháng đầu năm chưa đạt như yêu cầu đề ra. Do đó, một số dự án đã triển khai có khối lượng thực hiện, nhưng chưa có nguồn để thanh toán, vì vậy cũng làm ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân theo kế hoạch.

- Công tác chuẩn bị đầu tư của một số đơn vị còn chậm trễ, vẫn còn tình trạng điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án làm tăng tổng mức đầu tư.

- Một số dự án thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư chậm, nên đơn vị thi công không có mặt bằng sạch để triển khai thực hiện dự án.

- Lãi suất cho vay của các tổ chức tín dụng chưa phù hợp dẫn đến việc triển khai dự án gặp khó khăn.

- Một số chủ đầu tư chậm lập các hồ sơ, thủ tục thanh toán, dẫn đến không giải ngân hoặc giải ngân vốn thấp, mặc dù một số nguồn vốn đã có sẵn.

8. Các giải pháp, kiến nghị để tiếp tục triển khai có hiệu quả và thực hiện thành công kế hoạch đầu tư công trong những tháng cuối năm 2023

Để đảm bảo thực hiện hoàn thành kế hoạch đầu tư công năm 2023 và các năm tiếp theo của kỳ trung hạn 2021 - 2025, UBND tỉnh sẽ tiếp tục quán triệt các Nghị quyết của Trung ương, HĐND tỉnh và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, TT. HĐND tỉnh về đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công; có quyết tâm cao hơn nữa, coi nhiệm vụ giải ngân vốn đầu tư công là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, tập trung thực hiện một số giải pháp như sau:

- Đẩy nhanh tiến độ đấu giá quyền sử dụng đất đất ở và đất dự án để đạt kế hoạch thu nguồn tiền sử dụng đất năm 2023 theo Nghị quyết HĐND tỉnh giao là 5.500.000 triệu đồng (trong đó nguồn thu tiền sử dụng đất của huyện, thị xã, thành phố là 2.450.000 triệu đồng, nguồn thu tiền sử dụng đất của tỉnh là 3.050.000 triệu đồng) nhằm đảm bảo nhiệm vụ chi xây dựng cơ bản theo kế hoạch vốn năm 2023 được HĐND tỉnh thông qua.

- Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thực hiện các nội dung đẩy mạnh giải ngân theo Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 10/4/2023 của UBND tỉnh,

cương quyết điều chỉnh giảm kế hoạch đối với các dự án giao đầu năm nhưng chưa hoàn thành thủ tục lựa chọn nhà thầu, dự án có tỷ lệ giải ngân chưa đạt theo Chỉ thị, báo cáo HĐND tỉnh điều chỉnh theo thẩm quyền.

- Cần bám sát cơ sở, có biện pháp cụ thể để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của các dự án chậm thực hiện, đặc biệt là các dự án trọng điểm, quy mô lớn, có sức lan tỏa, tác động đối với nền kinh tế.

- Đẩy nhanh công tác thẩm định chuyên ngành đối với các dự án khởi công mới và các dự án điều chỉnh, trong đó gắn trách nhiệm người đứng đầu nếu để xảy ra chậm trễ.

- Trên cơ sở tình hình giải ngân kế hoạch đầu tư năm 2023 của các chủ đầu tư, UBND tỉnh đã lập 03 tổ công tác cấp tỉnh thực hiện đơn đốc tình hình triển khai, thực hiện giải ngân vốn đầu tư công của các đơn vị, địa phương để đẩy nhanh tiến độ giải ngân hoặc báo cáo HĐND tỉnh các nội dung cần điều chỉnh kế hoạch theo thẩm quyền.

- Rà soát các dự án có sử dụng vốn ODA để thực hiện điều chuyển kế hoạch vốn ODA cấp phát từ trung ương và nguồn vốn vay lại (trong đó ưu tiên các dự án sẽ kết thúc Hiệp định vay trong năm 2023), đồng thời xác định số vốn vay lại còn thiếu để báo cáo trung ương xin bổ sung vốn vay lại.

- Đề cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu đơn vị; chịu trách nhiệm toàn diện trước Chủ tịch UBND tỉnh khi để xảy ra chậm trễ, không đạt mục tiêu giải ngân vốn đầu tư năm 2023 đã giao cho đơn vị mình thực hiện.

9. Đối với 03 Chương trình mục tiêu quốc gia

Để thực hiện có hiệu quả các CTMTQG trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 và để cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Nghị quyết của HĐND tỉnh về tổ chức triển khai thực hiện và quản lý các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 tại tỉnh, UBND tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025; ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo và thành lập các Tổ giúp việc của Ban Chỉ đạo chương trình MTQG tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025.

Trên cơ sở các quy định về cơ chế quản lý, tổ chức, thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia theo Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của bộ, ngành trung ương, đến nay UBND tỉnh đã ban hành cơ bản đầy đủ các văn bản pháp lý để chỉ đạo điều hành, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Trung ương. Bao gồm 22 văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh và 72 văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn của UBND tỉnh và 51 văn bản hướng dẫn của các sở, ngành.

Được sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã tạo điều kiện triển khai thống nhất từ cấp tỉnh đến cấp xã trên địa bàn, để hấp

thu được nguồn vốn Trung ương hỗ trợ. Các cấp, ngành của tỉnh đã chủ động đề xuất, hướng dẫn, hỗ trợ, bố trí kinh phí đối ứng của địa phương, lồng ghép các chương trình, đề án và các chương trình được triển khai góp phần huy động được nhiều nguồn lực khác hơn nữa để thực hiện.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp đã làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo về các dự án, chính sách giảm nghèo bền vững trên địa bàn trong giai đoạn 2021-2025 để các tầng lớp nhân dân biết và thực hiện đầy đủ, đúng quy định về thực hiện dự án, chính sách giảm nghèo; phát động Phong trào thi đua “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” giai đoạn 2021 - 2025 và huy động nguồn lực ngoài ngân sách chăm lo đời sống cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Từ những nội dung đã triển khai nêu trên, kết quả thực hiện các Chương trình MTQG đã có những kết quả nhất định như:

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Mục tiêu, chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào DTTS&MN từ 3% trở lên. Đến cuối năm 2022 có 11.491 hộ/41.903 người, chiếm khoảng 2,65% dân số toàn tỉnh, trong đó chủ yếu là 3 dân tộc Chăm, Bana, H'rê. Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số (so với số hộ đồng bào DTTS) cuối năm 2022 là 6.291 hộ, chiếm 54,75% so với cuối năm 2021 đã giảm được 592 hộ (năm 2021 có 6.883 hộ).

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: Cơ bản việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra trong giai đoạn 2021-2025 đã được các cấp, các ngành và địa phương của tỉnh Bình Định thực hiện đến năm 2023 đạt theo kế hoạch đề ra, tỷ lệ giảm nghèo đa chiều (theo quy định mới) chung toàn tỉnh giảm 2,05% so với kết quả rà soát đầu kỳ (năm 2022 giảm 2,3%, ước năm 2023 giảm 1,8%), riêng huyện nghèo An Lão giảm 10,88% (năm 2022 giảm 11,86%, ước năm 2023 giảm 9,9%) so với kết quả rà soát đầu kỳ; các chính sách, dự án giảm nghèo đã thực hiện kịp thời đầy đủ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo về tín dụng ưu đãi, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt, thông tin, việc làm, xuất khẩu lao động, tiền điện... cơ sở hạ tầng tại huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn thuộc huyện nghèo tiếp tục được đầu tư, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng. Đã có 01 xã thuộc huyện nghèo về đích nông thôn mới, đang tiếp tục phấn đấu các xã còn lại về đích nông thôn mới trong thời gian đến, huyện nghèo An Lão phấn đấu thoát huyện nghèo giai đoạn 2022-2025 theo Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Đến cuối năm 2022, toàn tỉnh có 88/113 xã được UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (đạt tỷ lệ 77,87%); 18/83 xã đạt chuẩn nông thôn mới được UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (đạt tỷ lệ 21,68%). Số xã đạt dưới 15 tiêu chí: 24 xã. Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm còn 3,16%; tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước

hợp vệ sinh đạt 100%; trong đó, tỷ lệ dân cư sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung đạt 31,0%.

II. LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

1. Nguyên tắc bố trí vốn

Nguyên tắc bố trí vốn, thời gian bố trí vốn và điều kiện bố trí vốn kế hoạch đầu tư công năm 2024 đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Điều 51, 52, 53 Luật Đầu tư công.

Tuân thủ thứ tự ưu tiên bố trí vốn theo quy định tại Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025.

2. Dự kiến danh mục nhiệm vụ, dự án và bố trí kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2024 cho từng nhiệm vụ, dự án

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024, tỉnh đăng ký thực hiện là 6.756.421 triệu đồng, bao gồm:

2.1. Vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước): 1.205.365 triệu đồng.

a) Vốn Trung ương hỗ trợ theo mục tiêu: 751.763 triệu đồng, *bao gồm:*

- Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023 là: 716.763 triệu đồng.

- Dự án thuộc lĩnh vực văn hóa⁵ được Quốc hội thông qua kế hoạch vốn tại Nghị quyết số 93/2023/QH15: 35.000 triệu đồng.

(Phụ lục số 03 đính kèm)

b) Vốn các Chương trình MTQG (không bao gồm vốn sự nghiệp⁶): 453.602 triệu đồng, *bao gồm:*

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng dân tộc thiểu số và miền núi: 180.542 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững: 123.060 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 150.000 triệu đồng.

(Phụ lục số 04 đính kèm)

2.2. Vốn nước ngoài (vốn ODA): 334.854 triệu đồng, bao gồm:

- Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024: 24.854 triệu đồng.

- Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024: 150.000 triệu đồng.

- Dự án khởi công mới năm 2024: 160.000 triệu đồng.

2.3. Vốn ngân sách địa phương: 5.216.202 triệu đồng, bao gồm:

- Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức: 720.550 triệu đồng.

⁵ Dự án Tu bổ, tôn tạo di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia đặc biệt Tháp Chăm Dương Long

⁶ Vốn sự nghiệp năm 2024 đăng ký 349.256 triệu đồng

- Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 4.050.000 triệu đồng.
- Xổ số kiến thiết: 135.000 triệu đồng.
- Bội chi ngân sách địa phương: 310.652 triệu đồng.

(Phụ lục số 01 đính kèm)

Ủy ban nhân dân tỉnh kính báo cáo và đăng ký kế hoạch đầu tư công năm 2024, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét tổng hợp chung trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tài chính;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, TC;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, K1, K17.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục 01

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN, GIẢI NGÂN CHUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG
VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM, ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG VÀ CẢ NĂM 2023

(Kèm theo Công văn số /UBND-VX ngày / /2023 của UBND tỉnh)

DVT: triệu đồng

STT	Tên nguồn	Σ Kế hoạch 2023	Bao gồm:		Thực hiện Kế hoạch từ ngày 01/01/2023 đến 30/6/2023				Ước thực hiện Kế hoạch từ ngày 01/01/2023 đến 30/9/2023				Ước thực hiện Kế hoạch từ ngày 01/01/2023 đến 31/01/2024				Ghi chú
			Kéo dài	Kế hoạch 2023	Σ Giải ngân	Kéo dài	Kế hoạch 2023	Tỷ lệ (%)	Σ Giải ngân	Kéo dài	Kế hoạch 2023	Tỷ lệ (%)	Σ Giải ngân	Kéo dài	Kế hoạch 2023	Tỷ lệ (%)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
B	TỔNG SỐ VỐN TÍNH QUẢN LÝ CHIA THEO NGUỒN	9.602.464	677.269	8.925.195	3.103.191	338.566	2.764.624	32,32	6.032.386	677.269	5.355.117	62,82	9.602.464	677.269	8.925.195	100,00	
*	Vốn ngân sách tỉnh	6.796.548	448.003	6.348.545	1.848.422	255.967	1.592.454	27,20	4.257.130	448.003	3.809.127	62,64	6.796.548	448.003	6.348.545	100,00	
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	6.796.548	448.003	6.348.545	1.848.422	255.967	1.592.454	27,20	4.257.130	448.003	3.809.127	62,64	6.796.548	448.003	6.348.545	100,00	
I	Cân đối ngân sách địa phương	6.603.338	306.158	6.297.180	1.788.256	202.413	1.585.842	27,08	4.084.466	306.158	3.778.308	61,85	6.603.338	306.158	6.297.180	100,00	
1	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức	664.634	78.954	585.680	249.510	17.575	231.935	37,54	430.362	78.954	351.408	64,75	664.634	78.954	585.680	100,00	
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	5.715.308	215.308	5.500.000	1.383.372	176.977	1.206.395	24,20	3.515.308	215.308	3.300.000	61,51	5.715.308	215.308	5.500.000	100,00	
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	131.896	11.896	120.000	80.923	7.861	73.062	61,35	83.896	11.896	72.000	63,61	131.896	11.896	120.000	100,00	
4	Bội chi ngân sách	91.500		91.500	74.451		74.451	81,37	54.900	0	54.900	60,00	91.500	0	91.500	100,00	
II	Nguồn tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước	3.000		3.000	2.956		2.956	98,53	1.800	0	1.800	60,00	3.000	0	3.000	100,00	
III	Nguồn vốn khác của ngân sách tỉnh	40.000		40.000	0		0	0,00	24.000	0	24.000	60,00	40.000	0	40.000	100,00	
IV	TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT TỪ CÁC DỰ ÁN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, CÁC KHU TÁI ĐỊNH CƯ, NGUỒN THOẢI VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÁC DOANH NGHIỆP	138.981	138.981	0	53.095	53.095		38,20	138.981	138.981	0	100,00	138.981	138.981	0	100,00	
V	NGUỒN HOÀN TRẢ NGÂN SÁCH TỈNH	2.864	2.864		459	459		16,02	2.864	2.864	0	100,00	2.864	2.864	0	100,00	
VI	NGUỒN TẶNG THU XỔ SỐ KIẾN THIẾT	8.365		8.365	3.656		3.656	43,71	5.019	0	5.019	60,00	8.365	0	8.365	100,00	
**	Vốn ngân sách trung ương	2.805.916	229.266	2.576.650	1.254.769	82.599	1.172.170	44,72	1.775.256	229.266	1.545.990	63,27	2.805.916	229.266	2.576.650	100,00	
A	VỐN TRUNG ƯƠNG HTMT (TRONG NƯỚC)	1.724.464	8.364	1.716.100	917.638	512	917.126	53,21	1.038.024	8.364	1.029.660	60,19	1.724.464	8.364	1.716.100	100,00	
B	CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI	353.000	0	353.000	107.581	0	107.581	30,48	211.800	0	211.800	60,00	353.000	0	353.000	100,00	
C	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	473.038	135.870	337.168	114.001	66.620	47.381	24,10	338.171	135.870	202.301	71,49	473.038	135.870	337.168	100,00	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	163.086	50.392	112.694	37.086	20.982	16.104	22,74	118.008	50.392	67.616	72,36	163.086	50.392	112.694	100,00	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	180.053	61.209	118.844	36.053	32.898	3.155	20,02	132.515	61.209	71.306	73,60	180.053	61.209	118.844	100,00	

STT	Tên nguồn	Σ Kế hoạch 2023	Bao gồm:		Thực hiện Kế hoạch từ ngày 01/01/2023 đến 30/6/2023				Ước thực hiện Kế hoạch từ ngày 01/01/2023 đến 30/9/2023				Ước thực hiện Kế hoạch từ ngày 01/01/2023 đến 31/01/2024				Ghi chú
			Kéo dài	Kế hoạch 2023	Σ Giải ngân	Kéo dài	Kế hoạch 2023	Tỷ lệ (%)	Σ Giải ngân	Kéo dài	Kế hoạch 2023	Tỷ lệ (%)	Σ Giải ngân	Kéo dài	Kế hoạch 2023	Tỷ lệ (%)	
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	129.899	24.269	105.630	40.862	12.740	28.122	31,46	87.647	24.269	63.378	67,47	129.899	24.269	105.630	100,00	
D	VỐN HỖ TRỢ KHẮC PHỤC KHĂN CẤP HẬU QUẢ THIÊN TAI	22.459	22.459	0	15.467	15.467	0	68,87	22.459	22.459	0	100,00	22.459	22.459	0	100,00	
E	VỐN NƯỚC NGOÀI (ODA)	232.955	62.573	170.382	100.081	0	100.081	42,96	164.802	62.573	102.229	70,74	232.955	62.573	170.382	100,00	

Phụ lục 02
TỔNG HỢP NHU CẦU VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025			Lũy kế vốn trung hạn 2021 - 2025 đã bố trí đến nay			Nhu cầu kế hoạch năm 2024			Dự kiến kế hoạch năm 2024			Ghi chú
		Tổng số	Trong nước	Ngoài nước	Tổng số	Trong nước	Ngoài nước	Tổng số	Trong nước	Ngoài nước	Tổng số	Trong nước	Ngoài nước	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ	38.773.777	36.668.077	2.105.700	23.398.461	22.277.688	1.120.773	6.756.421	6.421.567	334.854	6.756.421	6.421.567	334.854	
A	Vốn NSNN	36.668.077	36.668.077	0	22.277.688	22.277.688	0	6.421.567	6.421.567	0	6.421.567	6.421.567	0	
	<i>Trong đó:</i>													
I	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	27.405.800	27.405.800	0	15.312.728	15.312.728	0	5.216.202	5.216.202	0	5.216.202	5.216.202	0	
	<i>Trong đó:</i>													
	- Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức	3.141.300	3.141.300		1.700.200	1.700.200		720.550	720.550		720.550	720.550		
	- Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	23.100.000	23.100.000		13.000.000	13.000.000		4.050.000	4.050.000		4.050.000	4.050.000		
	- Xổ số kiến thiết	632.000	632.000		396.865	396.865		135.000	135.000		135.000	135.000		
	- Bội chi ngân sách địa phương	532.500	532.500		215.663	215.663		310.652	310.652		310.652	310.652		
II	Vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước)	9.262.277	9.262.277	0	6.964.960	6.964.960	0	1.205.365	1.205.365	0	1.205.365	1.205.365	0	
1	Vốn ngân sách trung ương hỗ trợ theo mục tiêu (vốn trong nước)	7.993.916	7.993.916	0	6.322.737	6.322.737	0	751.763	751.763	0	751.763	751.763	0	
1.1	Vốn ngân sách trung ương đã bố trí hết nhiệm vụ	3.893.916	3.893.916	0	3.829.721	3.829.721	0	0	0	0	0	0	0	
	- Thu hồi ứng trước	1.970.716	1.970.716		1.970.716	1.970.716		0	0					
	- Bố trí cho dự án	1.923.200	1.923.200		1.859.005	1.859.005		0	0					
1.2	Vốn Trung ương hỗ trợ theo mục tiêu tiếp tục bố trí	4.030.000	4.030.000		2.493.016	2.493.016	0	716.763	716.763		716.763	716.763		
1.3	Vốn Trung ương hỗ trợ theo mục tiêu theo Nghị quyết số 93/2023/QH15	70.000	70.000		0	0		35.000	35.000		35.000	35.000		
2	Vốn các Chương trình MTQG	1.268.361	1.268.361	0	642.223	642.223	0	453.602	453.602	0	453.602	453.602	0	
(1)	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng dân tộc thiểu số và miền núi	462.105	462.105		196.810	196.810		180.542	180.542		180.542	180.542		
(2)	Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững	348.396	348.396		203.293	203.293		123.060	123.060		123.060	123.060		
(3)	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	457.860	457.860		242.120	242.120		150.000	150.000		150.000	150.000		
B	Vốn nước ngoài (ODA)	2.105.700		2.105.700	1.120.773		1.120.773	334.854		334.854	334.854		334.854	

Phụ lục 03
DANH MỤC ĐỀ NGHỊ BỐ TRÍ KẾ HOẠCH NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG, NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2024 VÀ DỰ KIẾN CÁC NĂM TIẾP THEO
(Kèm theo Công văn số /UBND-VX ngày / /2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án (A, B, C)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH trung hạn 2021-2025 đã thông báo			Kế hoạch vốn NSTW đã bố trí đến hết 2023	Nhu cầu vốn NSTW năm 2024	Ghi chú
				Số quyết định; ngày/tháng/năm ban hành	TMBT	NSTW	TMBT	Trong đó:				
								NSTW	NST			
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG CỘNG				18.484.530	11.902.406	11.260.919	7.993.916	3.267.037	6.322.737	751.763	
A	DỰ ÁN ĐÃ BỐ TRÍ ĐÚT ĐIỂM VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025				11.654.259	7.802.406	5.726.953	3.893.916	1.833.037	3.829.721	0	
I	Bố trí để thu hồi ứng				1.970.716	1.970.716	1.970.716	1.970.716	0	1.970.716	0	
II	Bố trí cho dự án				9.683.543	5.831.690	3.756.237	1.923.200	1.833.037	1.859.005	0	
1	Tuyến đường kết nối với đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn thị xã Hoài Nhon	B	2021-2023	3547/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	113.000	80.000	665.927	400.000	265.927	400.000		
2	Tổ hợp Không gian khoa học bao gồm Nhà mô hình vũ trụ, Đài quan sát thiên văn phổ thông và Bảo tàng khoa học	B	2015-2023	3652a/QĐ-UBND, 30/10/2014 268/QĐ-UBND; 24/1/2022 1465/QĐ-UBND; 24/4/2015 3024/QĐ-UBND; 17/9/2022	171.102	160.000	32.000	32.000	0	30.261		
3	Khu khám phá khoa học và Trạm quan sát thiên văn phổ thông thuộc Tổ hợp không gian khoa học	B	2016-2023	231/QĐ-UBND, 06/7/2016 4628/QĐ-UBND, 19/11/2021	115.611	95.000	79.983	75.000	4.983	58.739		
4	Dự án bảo vệ và phát triển rừng PH Hoài Nhon; Hoài Ân; Vĩnh Thanh; Văn Canh; Phù Mỹ; Phù Cát; An Toàn; An Lão; Tây Sơn; ngập mặn	B	2016-2021	2489;2490;2491; 2492;2493;2494; 2495;2496;2497 2498- 01/1/2011; 2790- 9/1/2012	251.478	99.203	5.000	5.000	0	5.000		
5	Đường trục KKT nối dài (giai đoạn 1) - Hợp phần 1	B	2016-2020	797/QĐ-UBND ngày 16/3/2016	474.904	384.904	67.000	50.000	17.000	36.983		
6	Dự án Quốc lộ 19, đoạn từ cảng Quy Nhon đến nút giao Quốc lộ 1: Hỗ trợ giải phóng mặt bằng	B	2012-2021	90/QĐ-UBND ngày 08/01/2020; 5054/QĐ-UBND ngày 31/12/2019	4.410.816	3.087.571	348.200	348.200	0	315.542		
7	Đường phía Tây tỉnh (ĐT.639B) (HM: Km130+00 – Km 137+580)	B	2016-2020	3648/QĐ-UBND, 30/10/2014; 5022/QĐ-UBND, 30/12/2015; 711/QĐ-UBND, 10/03/2016	613.000	430.833	18.380	10.000	8.380	9.480		
8	Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến đến Đề Gi	B	2017-2020	458/QĐ-UBND ngày 17/02/2020	1.261.351	207.679	729.747	33.000	696.747	33.000		
9	Dự án Đầu tư nâng cấp tuyến đường ven biển đi qua tỉnh Bình Định (đoạn Đề Gi - Mỹ Thành; đoạn cầu Lại Giang đến cầu Thiện Chánh)	B	2017-2020	457/QĐ-UBND ngày 17/02/2020	1.047.642	476.500	611.000	160.000	451.000	160.000		
10	Đầu tư, xây dựng các Trường THPT được di chuyển, sắp xếp lại theo quy hoạch giai đoạn 2021-2025 (HM: Trường THPT Nguyễn Hữu Quang, Trường THPT Phan Bội Châu)	B	2022-2023	51/QĐ-UBND ngày 07/01/ 2022 và QĐ và 3952/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	68.000	50.000	68.000	50.000	18.000	50.000		
11	Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng cảng cá Tam Quan, thị xã Hoài Nhon	B	2021-2023	3547/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	113.000	80.000	93.000	80.000	13.000	80.000		
13	Tuyến đường kết nối từ trung tâm thị xã An Nhon đến đường ven biển phía Tây đầm Thị Nại	B	2022-2024	3758/QĐ-UBND; 10/9/2021	1.043.639	680.000	1.038.000	680.000	358.000	680.000		
B	DỰ ÁN TIẾP TỤC BỐ TRÍ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025				6.830.271	4.100.000	5.533.966	4.100.000	1.434.000	2.493.016	751.763	
I	Danh mục các công trình đã phê duyệt dự án đầu tư				6.736.305	4.030.000	5.440.000	4.030.000	1.410.000	2.493.016	716.763	
1	Dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định đoạn Cát Tiến – Diêm Văn	A	2021-2024	3728/QĐ-UBND; 08/9/2021	2.674.648	1.800.000	2.220.000	1.800.000	420.000	1.156.783	350.000	
2	Dự án Xây dựng tuyến đường tránh phía Nam thị trấn Phù Phong	B	2021-2024	4825/QĐ-UBND; 03/12/2021	791.386	440.000	685.000	440.000	245.000	236.075	100.000	

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án (A, B, C)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH trung hạn 2021-2025 đã thông báo			Kế hoạch vốn NSTW đã bố trí đến hết 2023	Nhu cầu vốn NSTW năm 2024	Ghi chú
				Số quyết định; ngày/tháng/năm ban hành	TMDT	Trong đó:	TMDT	Trong đó:				
						NSTW		NSTW	NST			
3	Dự án Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới	B	2021-2024	2914/QĐ-UBND; 08/9/2022	1.490.101	600.000	850.000	600.000	250.000	352.158	200.000	
4	Tuyến đường kết nối từ đường phía Tây tỉnh (ĐT.638) đến đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn huyện Phù Mỹ	B	2022-2024	4093/QĐ-UBND; 06/10/2021	700.515	400.000	695.000	400.000	295.000	375.237	24.763	
5	Dự án Đập dâng Phú Phong, huyện Tây Sơn	B	2021-2024	5433/QĐ-UBND ngày 31/12/2020; 1747/QĐ-UBND ngày 19/5/2023	754.040	550.000	685.000	550.000	135.000	548.000	2.000	
6	Dự án Đập dâng Hà Thanh 1, huyện Vân Canh	B	2022-2024	1077/QĐ-UBND ngày 04/4/2022	195.000	170.000	195.000	170.000	25.000	148.672	21.328	
7	Dự án Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn (Phần mở rộng)	B	2021-2025	1586/QĐ-UBND ngày 12/5/2023	130.615	70.000	110.000	70.000	40.000	51.328	18.672	
II	Danh mục các công trình khởi công mới năm 2024 theo Nghị quyết số 93/2023/QH15				93.966	70.000	93.966	70.000	24.000	0	35.000	
1	Tu bổ, tôn tạo di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia đặc biệt Tháp Chăm Dương Long	B	2024-2025	64/NĐ-HĐND; 10/12/2022	93.966	70.000	93.966	70.000	24.000	0	35.000	

Phụ lục 04

KẾ HOẠCH NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG, NGÂN SÁCH CẤP TỈNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2024 VÀ DỰ KIẾN CÁC NĂM TIẾP THEO

(Kèm theo Công văn số /UBND-VX ngày / /2023 của UBND tỉnh)

DVT: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	KH trung hạn vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025 đã thông báo				KH vốn NS Trung ương, NS tỉnh đã bố trí năm 2022						KH vốn NS Trung ương, NS tỉnh đã bố trí năm 2023						Nhu cầu KH vốn NS Trung ương, NS tỉnh Năm 2024				Ghi chú
		TMBT	Trong đó:			NSTW		NST		NSH + khác		NSTW		NST		NSH + khác		NSTW		NST		
			NSTW	NST	NSH + khác	Vốn Đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn Đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn Đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn Đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn Đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn Đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn Đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn Đầu tư	Vốn sự nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	TỔNG SỐ	884.072	1.268.361	0	0	305.055	137.702	60.000	0	0	0	337.168	282.155	52.000	41.573	390.000	0	453.602	349.256	195.540	49.206	
I	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI	499.459	462.105	0	0	84.116	62.940	11.000	0	0	0	112.694	138.377	16.905	18.600	0	0	180.542	171.983	27.081	23.096	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	16.083	13.985			4.042	1.959	501				4.562	5.442	3.469	709			3.237	6.803	486	886	
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	87.794	77.317			13.917		1.789				18.656		1.836				30.782		4.617		
3	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	0	0	0	0	0	36.642	0	0	0	0	0	65.416	0	8.657	0	0	0	81.770	0	10.821	
4	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	279.848	255.954	0	0	46.072	2.692	5.965	0	0	0	61.761	7.247	7.991	939	0	0	100.946	9.059	15.142	1.174	
5	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	73.543	63.332	0	0	11.400	6.078	1.471	0	0	0	15.282	17.112	1.931	2.512	0	0	25.001	21.390	3.750	3.140	
6	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	37.865	37.865			6.833	1.795	1.023				9.160	4.796	1.234	659			14.899	6.033	2.235	824	
7	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em						937						2.590		362				3.258		453	
8	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em						2.464						6.635		901				8.347		1.126	
9	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	0	0	0	0	0	9.247	0	0	0	0	0	25.175	0	3.307	0	0	0	31.469	0	4.134	
10	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	4.326	13.652	0	0	1.852	1.126	251	0	0	0	3.273	3.964	444	554	0	0	5.678	3.855	852	539	
II	CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG	384.613	348.396	0	0	84.449	44.792	11.000	0	0	0	118.844	109.818	17.827	13.379	0	0	123.060	137.273	18.459	16.109	
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo	297.628	263.307			61.619	1.795	7.576		0		98.089	9.809	12.921	1.324	0	0	94.384	12.261	14.158	1.655	
2	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo						12.396						31.226		3.147				39.033		3.934	
3	Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	0	0	0	0	0	5.363	0	0	0	0	0	18.070	0	2.711	0	0	0	22.588	0	3.389	
4	Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	86.984	85.089	0	0	22.830	19.597	3.424	0	0	0	20.755	35.127	4.906	4.329	0	0	28.677	43.909	4.301	5.411	
5	Dự án 5. Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo												3.640		491				4.550		0	
6	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	0	0	0	0	0	868	0	0	0	0	0	4.438	0	582	0	0	0	5.548	0	728	
7	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	0	0	0	0	0	4.773	0	0	0	0	0	7.508	0	795	0	0	0	9.385	0	993	

STT	Danh mục dự án	KH trung hạn vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025 đã thông báo				KH vốn NS Trung ương, NS tỉnh đã bố trí năm 2022						KH vốn NS Trung ương, NS tỉnh đã bố trí năm 2023						Nhu cầu KH vốn NS Trung ương, NS tỉnh Năm 2024				Ghi chú
		TMDT	Trong đó:			NSTW		NST		NSH + khác		NSTW		NST		NSH + khác		NSTW		NST		
			NSTW	NST	NSH + khác	Vốn Đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn Đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn Đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn Đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn Đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn Đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn Đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn Đầu tư	Vốn sự nghiệp	
III	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI		457.860			136.490	29.970	38.000	0			105.630	33.960	17.268	9.594	390.000		150.000	40.000	150.000	10.000	

Phụ lục 05

CHI TIẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN ODA VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024

(Kèm theo Công văn số /UBND-VX ngày / /2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhà tài trợ	Quyết định đầu tư								Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025						Dự kiến KH năm 2024						Ghi chú			
			Số quyết định	TMDT							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tinh bằng nguyên tệ	Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách tỉnh		Tổng số	Quy đổi ra tiền Việt	Tổng số		Trong đó: vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó:		Đưa vào cân đối NSTW			Vay lại	Tổng số		Trong đó: vốn ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó:	
														Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại										Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24			
	TỔNG SỐ										4.675.840	1.145.769	1.145.769	3.550.861	2.105.700	1.445.161	722.506	77.000	77.000	645.506	334.854	310.652				
A	VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC										409.179	33.488	33.488	396.481	368.314	28.167	0	0	0	0	0	0				
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			37.613	7.065	7.065	0	30.548	30.548	0	5.568	685	685	4.883	4.883	0	0	0	0	0	0	0				
(1)	Giáo dục trung học cơ sở khu vực khó khăn nhất, giai đoạn 2	ADB	70/QĐ-SKHDT ngày 03/5/2019; 71/QĐ-SKHDT ngày 03/5/2019; 72/QĐ-SKHDT ngày 03/5/2019; 73/QĐ-SKHDT ngày 03/5/2019	37.613	7.065	7.065		30.548	30.548	0	5.568	685	685	4.883	4.883	0	0	0	0	0	0	0				
II	Nông nghiệp, lâm nghiệp, điểm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			1.600.904	155.877	155.877	0	1.445.027	1.445.027	0	301.698	19.200	19.200	303.288	282.498	20.790	0	0	0	0	0	0				
(1)	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Bình Định (WB8)	WB	4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/11/2015	284.680	14.853	14.853		269.827	269.827	0	67.570	5.200	5.200	83.160	62.370	20.790	0	0	0	0	0	0				
(2)	Dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định	WB	1063/QĐ-UBND ngày 28/3/2017; 3706/QĐ-UBND ngày 14/10/2019	1.316.224	141.024	141.024		1.175.200	1.175.200	0	234.128	14.000	14.000	220.128	220.128	0	0	0	0	0	0	0				
III	Lĩnh vực Giao thông			202.250	9.250	9.250	0	193.000	135.100	57.900	20.553	2.014	2.014	18.539	11.162	7.377	0	0	0	0	0	0				
(1)	Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP), tỉnh Bình Định	WB	622/QĐ-BGTVT, 02/3/2016	202.250	9.250	9.250		193.000	135.100	57.900	20.553	2.014	2.014	18.539	11.162	7.377	0	0	0	0	0	0				
IV	Y tế, dân số và gia đình			81.360	11.589	11.589	3 triệu USD	69.771	69.771	0	81.360	11.589	11.589	69.771	69.771	0	0	0	0	0	0	0				
(1)	Cung cấp trang thiết bị y tế cho Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	KEXIM	3729/QĐ-UBND, 10/10/2017; 795/QĐ-UBND, 14/3/2018; 921/QĐ-UBND, 18/3/2020; 2286/QĐ-UBND, 10/6/2020; 3455/QĐ-UBND, 21/8/2020	81.360	11.589	11.589	3 triệu USD	69.771	69.771	0	81.360	11.589	11.589	69.771	69.771	0	0	0	0	0	0	0				
B	DỰ ÁN TIẾP TỤC BỔ TRÍ VỐN NƯỚC NGOÀI NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025										4.266.661	1.112.281	1.112.281	3.154.380	1.737.386	1.416.994	722.506	77.000	77.000	645.506	334.854	310.652				
I	Lĩnh vực Môi trường			741.995	58.465	58.465	30,617 triệu USD	683.530	430.475	253.055	945.397	50.986	50.986	894.411	601.079	293.332	41.506	6.000	6.000	35.506	24.854	10.652				
I	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024			741.995	58.465	58.465	30,617 triệu USD	683.530	430.475	253.055	945.397	50.986	50.986	894.411	601.079	293.332	41.506	6.000	6.000	35.506	24.854	10.652				
a	Dự án nhóm B			741.995	58.465	58.465	30,617 triệu USD	683.530	430.475	253.055	945.397	50.986	50.986	894.411	601.079	293.332	41.506	6.000	6.000	35.506	24.854	10.652				
(1)	Dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn	WB	4521/QĐ-UBND ngày 09/12/2016; 979/QĐ-UBND ngày 27/3/2018; 3205/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 và 974/QĐ-UBND ngày 31/3/2023	741.995	58.465	58.465	30,617 triệu USD	683.530	430.475	253.055	945.397	50.986	50.986	894.411	601.079	293.332	41.506	6.000	6.000	35.506	24.854	10.652				
II	Lĩnh vực Giao thông			3.569.049	1.298.583	1.298.583	97,4 triệu USD	2.247.324	1.123.662	1.123.662	3.239.552	1.051.583	1.051.583	2.187.969	1.064.307	1.123.662	670.000	70.000	70.000	600.000	300.000	300.000				

TT	Danh mục dự án	Nhà tài trợ	Quyết định đầu tư								Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025						Dự kiến KH năm 2024						Ghi chú
			Số quyết định	TMDT							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)			Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)			Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					
					Tổng số	Trong đó: vốn ngân sách tỉnh	Tinh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt		Tổng số		Trong đó: vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó:		Tổng số		Trong đó: vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó:			
								Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW					Vay lại	Đưa vào cân đối NSTW					Vay lại			
1	Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024			909.049	218.583	218.583	29,0 triệu USD	667.324	333.662	333.662	876.552	218.583	218.583	657.969	324.307	333.662	320.000	20.000	20.000	300.000	150.000	150.000	
a	Dự án nhóm B			909.049	218.583	218.583	29,0 triệu USD	667.324	333.662	333.662	876.552	218.583	218.583	657.969	324.307	333.662	320.000	20.000	20.000	300.000	150.000	150.000	
(1)	Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) - Dự án thành phần tỉnh Bình Định	ADB	5331/QĐ-UBND ngày 29/12/2020	909.049	218.583	218.583	29,0 triệu USD	667.324	333.662	333.662	876.552	218.583	218.583	657.969	324.307	333.662	320.000	20.000	20.000	300.000	150.000	150.000	
2	Danh mục dự án khởi công mới năm 2024			2.660.000	1.080.000	1.080.000	68,4 triệu USD	1.580.000	790.000	790.000	2.363.000	833.000	833.000	1.530.000	740.000	790.000	350.000	50.000	50.000	300.000	150.000	150.000	
a	Dự án nhóm A			2.660.000	1.080.000	1.080.000	68,4 triệu USD	1.580.000	790.000	790.000	2.363.000	833.000	833.000	1.530.000	740.000	790.000	350.000	50.000	50.000	300.000	150.000	150.000	
(1)	Dự án Phát triển tích hợp thích ứng - tỉnh Bình Định	WB	2265/QĐ-TTg ngày 31/12/2021	2.660.000	1.080.000	1.080.000	68,4 triệu USD	1.580.000	790.000	790.000	2.363.000	833.000	833.000	1.530.000	740.000	790.000	350.000	50.000	50.000	300.000	150.000	150.000	
III	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật			97.720	9.712	9.712	3,79 triệu USD	88.008	88.008	0	81.712	9.712	9.712	72.000	72.000	0	11.000	1.000	1.000	10.000	10.000	0	
1	Danh mục dự án khởi công mới năm 2024			97.720	9.712	9.712	3,79 triệu USD	88.008	88.008	0	81.712	9.712	9.712	72.000	72.000	0	11.000	1.000	1.000	10.000	10.000	0	
a	Dự án nhóm B			97.720	9.712	9.712	3,79 triệu USD	88.008	88.008	0	81.712	9.712	9.712	72.000	72.000	0	11.000	1.000	1.000	10.000	10.000	0	
(1)	Làng Hòa Bình Việt Nam – Hàn Quốc (KVPVP) tại tỉnh Bình Định	KOICA	40/NQ-HBND ngày 07/9/2022	97.720	9.712	9.712	3,79 triệu USD	88.008	88.008	0	81.712	9.712	9.712	72.000	72.000	0	11.000	1.000	1.000	10.000	10.000	0	